

THÔNG BÁO**Bệnh viện Nguyễn Tri Phương thông báo mời tham gia chào giá:**

Hiệu chuẩn nhiệt kế và tủ lạnh toàn bệnh viện

Nội dung thực hiện : Các đơn vị tham gia gửi 1 bảng báo giá chi phí hiệu chuẩn. Bao gồm các nội dung chi tiết sau:

STT	Tên phương tiện đo	KHOA	Thông số kỹ thuật Specification	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount
1	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhiệt kế thủy ngân)	KHOA PHỤ SẢN	Phạm vi đo/Measurement Range: (-30 ÷ 70) °C/ 1 °C	Cái/Pcs	7		
2	Nhiệt ẩm kế tự ghi Humidity and Temperature Data Logger	KHOA DƯỢC	Phạm vi đo/Measurement Range: (30 ~ 60) °C/ 0,1 °C (0 ~ 99) % RH/ 0,1 % RH	Cái/Pcs	2		
3	Nhiệt ẩm kế tự ghi Humidity and Temperature Data Logger	KHOA DƯỢC - KHO LỀ NỘI TRÚ	Phạm vi đo/Measurement Range: (30 ~ 60) °C/ 0,1 °C (0 ~ 99) % RH/ 0,1 % RH	Cái/Pcs	1		
4	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ Temperature Data Logger	KHOA DƯỢC - KHO LỀ NỘI TRÚ	Phạm vi đo/Measurement Range: (-30 ÷ 55) °C/0,1 °C	Cái/Pcs	2		
5	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ Temperature Data Logger	KHOA DƯỢC - NHÀ THUỐC	Phạm vi đo/Measurement Range: (-30 ÷ 55) °C/0,1 °C	Cái/Pcs	1		
6	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ Temperature Data Logger	KHOA PHỤ SẢN	Phạm vi đo/Measurement Range: (-30 ÷ 55) °C/0,1 °C	Cái/Pcs	1		
7	Nhiệt ẩm kế hiện số Digital Hygro-Thermometer	KHOA DƯỢC - KHO LỀ NỘI TRÚ	Nhiệt độ/Temperature: Phạm vi đo/Measurement Range: (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/Humidity: Phạm vi đo/Measurement Range: (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/Pcs	1		

8	Thay pin 3 Fridge-tag và 1 cái LogEt 8 TH	KHOA DƯỢC	+ KHOA DƯỢC - NHÀ THUỐC (1 cái Fridge-tag) + KHOA DƯỢC - KHO LỄ NỘI TRÚ (2 cái Fridge-tag và 1 cái nhiệt kế hiển số)	Cái/Pcs	4		
9	Nhiệt ẩm kế hiển số <i>Digital Hygro-Thermometer</i>	CẤP CỨU -	Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/Pcs	1		
10	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhiệt kế thủy ngân) <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	CẤP CỨU -	Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/Pcs	3		
11	Nhiệt ẩm kế hiển số tự ghi <i>Temperature and Humidity Logger</i>	KHOA NHI	Phạm vi đo nhiệt độ <i>Temperature Measurement Range</i> : (-40 ÷ 85) °C/r=0,1 °C Ccx/Acc: ± 0,5 °C Phạm vi đo độ ẩm <i>Humidity Measurement Range</i> : (25 ÷ 90) % RH/r=1 % RH Ccx/Acc: ± 5 %RH	Cái/Pcs	2		
12	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhiệt kế thủy ngân) <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA HỒ HẤP	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (- 30 ÷ 50) °C/d= 1 °C Ccx/Acc: ± 0,5 °C	Cái/Pcs	1		
13	Nhiệt ẩm kế hiển số tự ghi <i>Temperature and Humidity Logger</i>	KHOA HỒ HẤP	Phạm vi đo nhiệt độ <i>Temperature Measurement Range</i> : (-40 ÷ 85) °C/r=0,1 °C Ccx/Acc: ± 0,5 °C Phạm vi đo độ ẩm <i>Humidity Measurement Range</i> : (25 ÷ 90) % RH/r=1 % RH Ccx/Acc: ± 5 %RH	Cái/Pcs	1		
14	Tủ bảo quản vắc xin (Tủ lạnh) <i>Ice-Lined Refrigerator (Fridge)</i>	KHO VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (2 ÷ 8) °C/r= 0,1 °C	Cái/Pcs	4		

			Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C				
15	Bộ giám sát nhiệt độ tự ghi (Nhiệt kế) <i>Temperature Data Logger Controller</i>	KHO VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (-20 ÷ 50) °C/r= 0,1 °C Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C	Cái/Pc	4		
16	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhiệt kế thủy ngân) <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHO VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (-30 ÷ 50) °C/d= 1 °C Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C	Cái/Pc s	2		
17	Nhiệt ẩm kế hiện số tự ghi <i>Temperature and Humidity Logger</i>	KHOA CẤP CỨU	Phạm vi đo nhiệt độ <i>Temperature Measurement Range</i> : (-40 ÷ 85) °C/r=0,1 °C Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C Phạm vi đo độ ẩm <i>Humidity Measurement Range</i> : (25 ÷ 90) % RH/r=1 % RH Ccx/Acc: ± 5 %RH	Cái/Pc	1		
18	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhiệt kế thủy ngân) <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA CẤP CỨU	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (-30 ÷ 50) °C/d= 1 °C Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C	Cái/Pc s	2		
19	Tủ lạnh <i>Fridge</i>	KHOA NHI	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (2 ÷ 8) °C/r= 0,1 °C Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C	Cái/Pc s	3		
20	Tủ bảo quản vắc xin (Tủ lạnh) <i>Ice-Lined Refrigerator (Fridge)</i>	KHOA NHI	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (2 ÷ 8) °C/r= 0,1 °C Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C	Cái/Pc	1		
21	Bộ giám sát nhiệt độ tự ghi (Nhiệt kế) <i>Temperature Data Logger Controller</i>	KHOA NHI	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range</i> : (-20 ÷ 50) °C/r= 0,1 °C Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C	Cái/Pc	6		
22	Nhiệt ẩm kế hiện số <i>Digital Hygro-Thermometer</i>	KHOA NHI	Phạm vi đo nhiệt độ <i>Temperature Measurement Range</i> : (-30 ÷ 50) °C/r=0,1 °C Ccx/Acc: $\pm 0,5$ °C Phạm vi đo độ ẩm <i>Humidity Measurement Range</i> : (20 ÷ 95) % RH/r=1 % RH Ccx/Acc: ± 5 %RH	Cái/Pc	1		

23	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhiệt kế thủy ngân) <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA NHI	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range:</i> (-50 ÷ 50) °C/d= 1 °C <i>Ccx/Acc:</i> ± 0,5 °C	Cái/ <i>Pc s</i>	6		
24	Tủ bảo quản vắc xin (Tủ lạnh) <i>Ice-Lined Refrigerator (Fridge)</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Gồm các điểm đo nhiệt độ/ <i>Includes temperature points:</i> -23 °C, -21 °C, -19 °C, -17 °C, -15 °C, 2 °C, 3 °C, 5 °C, 7 °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		
25	Nhiệt kế hiện số <i>Digital Thermometer</i>	KHOA XÉT NGHIỆM 29/05/2025	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range:</i> (-50 ÷ 300) °C/0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		
26	Nhiệt kế tự ghi <i>Digital Thermometer</i>	KHOA DƯỢC KHO LỄ NỘI TRÚ	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range:</i> (2 ÷ 8) °C/0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		
27	Nhiệt ẩm kế hiện số <i>Digital Hygro- Thermometer</i>	KHOA DƯỢC KHO CHẨN	Phạm vi đo nhiệt độ <i>Temperature Measurement Range:</i> (-30 ÷ 50) °C/r=0,1 °C <i>Ccx/Acc:</i> ± 0,5 °C Phạm vi đo độ ẩm <i>Humidity Measurement Range:</i> (20 ÷ 95) % RH/r=1 % RH <i>Ccx/Acc:</i> ± 5 %RH	Cái/ <i>Pc</i>	1		
28	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhiệt kế thủy ngân) <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA DƯỢC KHO CHẨN	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range:</i> (-30 ÷ 50) °C/d= 1 °C <i>Ccx/Acc:</i> ± 0,5 °C	Cái/ <i>Pc s</i>	1		
29	Nhiệt ẩm kế tự ghi <i>Humidity and Temperature Data Logger</i>	KHOA DƯỢC KHO CHẨN	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range:</i> (30 ~ 60) °C/ 0,1 °C (0 ~ 99) % RH/ 0,1 % RH	Cái/ <i>Pc s</i>	1		
30	Bộ giám sát nhiệt độ tự ghi <i>Temperature Data Logger Controller</i>	KHOA SẢN	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range:</i> (- 20 ÷ 50) °C/0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		
31	Tủ lạnh <i>Fridge</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range:</i> (0 ÷ 10) °C/0,1 °C	Cái/ <i>Pc s</i>	4		
32	Tủ mát <i>Refrigerator</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement Range:</i> (0 ÷ 10) °C/0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		
33	Tủ lạnh <i>Fridge</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Ngăn mát/ <i>Cool:</i> (1; 2; 3; 5; 7) °C Ngăn đông/ <i>Freezer:</i> (-23; -21; -19; -17; - 15) °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		

34	Tủ đông (âm) <i>Freezer</i>	KHOA XÉT NGHIỆM 31/07/2025	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (-24 ÷ 10) °C	Cái/ <i>Pc</i> <i>s</i>	2		
35	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm <i>Pharmacy</i> <i>Refrigerator</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (2 ÷ 6) °C/0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		
36	Tủ bảo quản vắc xin (Tủ lạnh) <i>Ice-Lined</i> <i>Refrigerator (Fridge)</i>	KHOA DƯỢC	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (2 ÷ 8) °C/0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i> <i>s</i>	2		
37	Nhiệt ẩm kế không khí hiện số <i>Digital Thermo</i> <i>Hygrometer</i>	KHOA DƯỢC	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/ <i>Humidity:</i> Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/ <i>Pc</i>	1		
38	Nhiệt ẩm kế không khí hiện số <i>Digital Thermo</i> <i>Hygrometer</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/ <i>Humidity:</i> (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/ <i>Pc</i> <i>s</i>	2		
39	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ (Nhiệt ẩm kế tự ghi) <i>Temperature Data</i> <i>Logger</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (-40 ÷ 85) °C/ 0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i> <i>s</i>	5		
40	Nhiệt ẩm kế tự ghi <i>Temperature &</i> <i>Humidity Data</i> <i>Logger</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	• Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (-40 ÷ 85) °C/ 0,1 °C • Độ ẩm/ <i>Humidity:</i> Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (10 ÷ 99) % RH/ 0,1 % RH	Cái/ <i>Pc</i> <i>s</i>	5		
41	Nhiệt kế hiện số <i>Digital Thermometer</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (-50 ÷ 70) °C/ 0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		
42	Nhiệt kế thủy ngân <i>Mercury-in-glass</i> <i>thermometer</i>	KHOA DƯỢC	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (-30 ÷ 70) °C/ 1 °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		
43	Nhiệt kế hiện số <i>Digital Thermometer</i>	KHOA DƯỢC	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (-20 ÷ 50) °C/ 0,1 °C	Cái/ <i>Pc</i> <i>s</i>	2		
44	Tủ bảo quản vắc xin (Tủ lạnh) <i>Ice-Lined</i> <i>Refrigerator (Fridge)</i>	KHOA SẢN	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range:</i> (0 ÷ 10) °C	Cái/ <i>Pc</i>	1		

45	Tủ mát <i>Refrigerator</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (0 ÷ 10) °C/r= 0,1 °C Thể tích/ <i>Volume(liter)</i> : 800 lít	Cái/Pc s	2		
46	Tủ đông (âm) <i>Freezer</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (-30 ÷ -9) °C/r= -1 °C (-20 ÷ -40) °C/r= 1 °C (-40 ÷ -86) °C/r= 0,1 °C	Cái/Pc s	4		
47	Tủ mát <i>Refrigerator</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: Điểm cài đặt mức/ <i>Levels</i> : Min; 1; 2; 3; 4; 5; Max Thể tích/ <i>Volume(liter)</i> : 330 lít	Cái/Pc s	2		
48	Nhiệt kế tự ghi <i>Humidity and Temperature Data Logger</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (-196 ÷ 150) °C/r= 0,1 °C	Cái/Pc	1		
49	Nhiệt ẩm kế tự ghi <i>Humidity and Temperature Data Logger</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (-40 ÷ 85) °C/r= 1 °C (0 ÷ 99) %RH/r= 0,1 %RH	Cái/Pc s	5		
50	Nhiệt ẩm kế hiện số <i>Digital Hygro- Thermometer</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (-30 ÷ 70) °C/r= 0,1 °C	Cái/Pc s	3		
51	Nhiệt kế tự ghi <i>Temperature Data Logger</i>	KHOA XÉT NGHIỆM	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (-30 ÷ 60) °C/r= 0,1 °C (0 ÷ 99) %RH/r= 0,1 %RH	Cái/Pc s	2		
52	Nhiệt kế thủy ngân <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (-30 ÷ 70) °C/ 1 °C	Cái/Pc s	4		
53	Nhiệt kế thủy ngân <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA CƠ XƯƠNG KHỚP	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (-30 ÷ 70) °C/ 1 °C	Cái/Pc	1		
54	Nhiệt ẩm kế hiện số <i>Digital Hygro- Thermometer</i>	KHOA CƠ XƯƠNG KHỚP	Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> Range: (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : Phạm vi	Cái/Pc	1		

			đo/Measurement Range: (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH				
55	Tủ bảo quản vắc xin (Tủ lạnh) <i>Ice-Lined Refrigerator (Fridge)</i>	KHOA DƯỢC - KHO CHẨN	Phạm vi đo/Measurement Range: (2 ÷ 8) °C/0,1 °C	Cái/Pc	1		
56	Tủ mát <i>Refrigerator</i>	KHOA DƯỢC - KHO CHẨN	Phạm vi đo/Measurement Range: (0 ÷ 10) °C/0,1 °C	Cái/Pc s	7		
57	Tủ mát <i>Refrigerator</i>	KHOA DƯỢC - KHO LỄ NỘI TRÚ	Phạm vi đo/Measurement Range: (0 ÷ 10) °C/0,1 °C	Cái/Pc s	5		
58	Tủ mát <i>Refrigerator</i>	KHOA DƯỢC - NHÀ THUỐC	Phạm vi đo/Measurement Range: (0 ÷ 10) °C/0,1 °C	Cái/Pc	1		
59	Tủ lạnh <i>Fridge</i>	KHOA DƯỢC - KHO CHẨN	Phạm vi đo/Measurement Range: (0 ÷ 10) °C/0,1 °C	Cái/Pc	1		
60	Tủ mát <i>Refrigerator</i>	KHOA DƯỢC - NHÀ THUỐC	Phạm vi đo/Measurement Range: (0 ÷ 10) °C/0,1 °C	Cái/Pc	1		
61	Nhiệt kế thủy ngân <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA DƯỢC - KHO LỄ NỘI TRÚ	Phạm vi đo/Measurement Range: (-30 ÷ 70) °C/ 1 °C	Cái/Pc s	9		
62	Nhiệt kế thủy ngân <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA DƯỢC - KHO CHẨN	Phạm vi đo/Measurement Range: (-30 ÷ 70) °C/ 1 °C	Cái/Pc s	8		
63	Nhiệt kế thủy ngân <i>Mercury-in-glass thermometer</i>	KHOA DƯỢC - NHÀ THUỐC	Phạm vi đo/Measurement Range: (-30 ÷ 70) °C/ 1 °C	Cái/Pc	1		
64	Nhiệt ẩm kế <i>Hygro- Thermometer</i>	KHOA DƯỢC - ĐÔNG DƯỢC	Nhiệt độ/Temperature: Phạm vi đo/Measurement Range: (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/Humidity: Phạm vi đo/Measurement Range: (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/Pc	1		

65	Nhiệt ẩm kế <i>Hygro-Thermometer</i>	KHOA DƯỢC - KHO CHẨN	Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range</i> : (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range</i> : (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/Pc	1		
66	Nhiệt ẩm kế hiện số <i>Digital Hygro-Thermometer</i>	KHOA DƯỢC - KHO LỀ NGOẠI TRÚ	Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range</i> : (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range</i> : (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/Pc	1		
67	Nhiệt ẩm kế hiện số <i>Digital Hygro-Thermometer</i>	KHOA DƯỢC - NHÀ THUỐC	Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range</i> : (0 ÷ 70) °C/0,1 °C Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range</i> : (10 ÷ 90) % RH/ 1 % RH	Cái/Pc	1		
68	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ/ <i>Temperature</i> <i>Data Logger</i>	KHOA DƯỢC - KHO CHẨN	Phạm vi đo/ <i>Measurement</i> <i>Range</i> : (-30 ÷ 55) °C/0,1 °C	Cái/Pc	1		

Thời gian tiếp nhận báo giá từ ngày 25 tháng 09 năm 2025 đến trước 14 giờ ngày 01 tháng 10 năm 2025 tại phòng P HCQT Bệnh viện Nguyễn Tri Phương (lầu 2 khu D).

Ghi chú: Báo giá được đánh giá hợp lệ là báo giá thể hiện đầy đủ theo các hạng mục trên, được bỏ vào bì thư có ký tên, đóng dấu của đơn vị và nộp đúng theo thời gian qui định và có đính kèm giấy phép kinh doanh của đơn vị báo giá.

Điện thoại: 08. 39234332 (532) gặp P HCQT BV Nguyễn Tri Phương liên hệ khảo sát.

Địa chỉ : 468 Nguyễn Trãi, phường An Đông, TP HCM

